

**DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG
THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THANH THỦY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1125/QĐ-SYT, ngày 05/12/2022 của Giám đốc Sở Y tế Phú Thọ)

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC							
A. TUẦN HOÀN							
1	23		Thăm dò huyết động theo phương pháp PICCO	x	x		
2	27		Thăm dò huyết động tại giường bằng phương pháp pha loãng nhiệt	x	x		
3	29		Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)	x	x		
B. HÔ HẤP							
4	83		Theo dõi ETCO2 ≤ 8 giờ	x	x		
5	114		Rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
6	115		Siêu âm nội soi phế quản ống mềm	x			
7	116		Nội soi bơm rửa phế quản cấp cứu lấy bệnh phẩm ở người bệnh thở máy	x	x		
8	118		Nội soi phế quản sinh thiết ở người bệnh thở máy	x	x		
9	119		Nội soi phế quản sinh thiết xuyên thành ở người bệnh thở máy	x	x		
10	121		Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi	x	x		
11	123		Nội soi phế quản kết hợp sử dụng ống thông 2 nòng có nút bảo vệ	x	x		
12	148		Thủ thuật huy động phế nang 40/40	x	x		
13	149		Thủ thuật huy động phế nang 60/40	x	x		
14	150		Thủ thuật huy động phế nang PCV	x	x		
C. THẬN - LỌC MÁU							
15	181		Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	x	x		
16	182		Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
17	183		Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	x	x		
18	184		Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	x	x		
19	185		Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS	x	x		
20	192		Thay huyết tương sử dụng huyết tương	x	x		
21	197		Thay huyết tương trong hội chứng xuất huyết giảm tiểu cầu tắc mạch (hội chứng TTP)	x	x		
D. THẬN KINH							
22	204		Đặt ống thông nội sọ	x	x		
23	205		Theo dõi áp lực nội sọ liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
24	208		Siêu âm Doppler xuyên sọ	x	x		
25	209		Dẫn lưu não thất cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x		
26	210		Làm test chết não thực hiện trong 12-24 giờ	x	x		
K. TIM MẠCH							
27		321	Ép tim ngoài lồng ngực bằng máy tự động	x	x	x	
28		325	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua cổng đo áp lực trên máy theo dõi	x	x	x	
L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU							
29		327	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5%	x	x		
30		329	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	x	x		
M. THẬN KINH							
31		344	Thay huyết tương trong điều trị con nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	x	x		
O. TIÊU HÓA							
32		348	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
Q. CÁC KỸ THUẬT KHÁC							
33		384	Xét nghiệm định tính nọc rắn bằng phương pháp ELISA	x	x		
34		385	Xét nghiệm định lượng nọc rắn bằng phương pháp ELISA	x			
II. NỘI KHOA							
A. HÔ HẤP							
1	23		Đo đa ký giác ngủ	x			
2	58		Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản	x	x		
C. THẦN KINH							
3	156		Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x	x		
4	157		Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x			
Đ. TIÊU HÓA							
5	249		Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
IV. LAO (NGOẠI LAO)							
1	4		Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống có đặt lồng Titan và nẹp vít	x			
2	5		Phẫu thuật đặt lại khớp háng tư thế xấu do lao	x			
3	6		Phẫu thuật thay khớp háng do lao	x			
4	7		Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao	x			
5	8		Phẫu thuật thay khớp gối do lao	x			
6	10		Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống lưng-thắt lưng	x	x		
7	11		Phẫu thuật lao cột sống thắt lưng-cùng	x	x		
8	12		Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
9	13		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn	x	x		
10	14		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai	x	x		
11	15		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu	x	x		
12	16		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	x	x		
13	17		Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	x	x		
14	18		Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	x	x		
15	19		Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay	x	x		
16	20		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu	x	x		
17	21		Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu	x	x		
18	22		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng	x	x		
19	23		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối	x	x		
20	24		Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	x	x		
21	25		Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	x	x		
22	26		Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	x	x		
23	27		Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	x	x		
24	28		Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thất lưng do lao	x	x		
25	29		Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao	x	x		
26	30		Bơm rửa ổ lao khớp	x	x		
27	32		Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ	x	x		
28	33		Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
29	34		Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn	x	x		
30	35		Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ	x	x		
31	36		Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	x	x		
32	37		Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên	x	x		
33		45	Phẫu thuật giải ép tủy lõi trước có ghép xương tụ thân và cố định cột sống lõi sau do lao cột sống ngực, thắt lưng	x	x		
34		50	Phẫu thuật chỉnh hình gù, vẹo do di chứng lao cột sống	x			
V. DA LIỄU							
B. NGOẠI KHOA							
1. Thủ thuật							
1	4		Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO ₂	x	x		
2	5		Điều trị hạt cơm bằng Laser CO ₂	x	x		
3	6		Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO ₂	x	x		
4	8		Điều trị dày sừng da đầu bằng Laser CO ₂	x	x		
5	10		Điều trị sản cục bằng Laser CO ₂	x	x		
6	11		Điều trị bớt sùi bằng Laser CO ₂	x	x		
7	24		Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	x	x		
8	26		Điều trị bớt tăng sắc tố bằng YAG-KTP	x	x		
9	27		Xoá xăm bằng YAG-KTP	x	x		
10	28		Điều trị sẹo lồi bằng YAG-KTP	x	x		
11	43		Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	x	x	x	
C. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM TỪ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC							
12	89		Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da	x	x		
D. THỦ THUẬT							

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
13		93	Điều trị sẹo lõm bằng Laser Fractional, Intracell	x	x		
14		94	Xóa nếp nhăn bằng Laser Fractional, Intracell	x	x		
15		96	Trẻ hóa da bằng các kỹ thuật Laser Fractional	x	x		
16		97	Điều trị râm má bằng laser Fractional	x	x		
17		98	Trẻ hoá da bằng Radiofrequency (RF)	x	x		
18		106	Trẻ hoá da bằng tiêm Botulinum toxin	x	x		
19		108	Trẻ hoá da bằng tiêm chất làm đầy (Filler)	x	x		
VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN							
A. KỸ THUẬT CHUNG							
1	20		Xông hơi thuốc	x	x	x	x
C. ĐIỆN MÃNG CHÂM							
2	128		Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
3	141		Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
4	145		Điện mãng châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
5	146		Điện mãng châm điều trị	x	x	x	
6	160		Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
D. ĐIỆN NHĨ CHÂM							
7	185		Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
Đ. CÂY CHỈ							
8	259		Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	
9	260		Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá	x	x	x	
10	261		Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu	x	x	x	
11	270		Cây chỉ điều trị con động kinh cục bộ	x	x	x	
12	273		Cây chỉ điều trị sa tử cung	x	x	x	

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
13	274		Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
14	275		Cấy chỉ điều trị di tinh	x	x	x	
15	276		Cấy chỉ điều trị liệt dương	x	x	x	
E. ĐIỆN CHÂM							
16	281		Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
17	284		Điện châm điều trị trĩ	x	x	x	x
18	290		Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
19	291		Điện châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	x
20	294		Điện châm điều trị sa tử cung	x	x	x	x
21	295		Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
G. THỦY CHÂM							
22	384		Thủy châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC							
A. CÁC KỸ THUẬT							
1	79		Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy dò xung điện	x	x	x	
2	80		Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy siêu âm	x	x	x	
3	83		Kỹ thuật gây tê hoặc giảm đau cạnh đốt sống	x	x		
4	90		Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy dò thần kinh	x	x	x	
5	92		Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy siêu âm	x	x	x	
6	100		Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	x	x		
7	101		Kỹ thuật giảm đau bằng morphinic tùy sống	x	x		
8	105		Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphinic-thuốc tê theo kiểu PCEA	x	x		
9	106		Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter	x	x		
10	138		Mở khí quản qua da bằng bóng nóng	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
11	198		Truyền máu khối lượng lớn	x	x		
B. GÂY MÊ							
12	294		Gây mê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thùy phổi hoặc phân thùy phổi	x	x		
13	296		Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông	x	x		
14	308		Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ + vết hạch trên bệnh nhân K âm hộ	x	x		
15	310		Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vết hạch bên hai bên	x	x		
16	318		Gây mê phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vết hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	x	x		
17	377		Gây mê phẫu thuật cắt lại dạ dày	x	x		
18	384		Gây mê phẫu thuật cắt lồi xương	x	x		
19	394		Gây mê phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư	x	x		
20	395		Gây mê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	x	x		
21	396		Gây mê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x		
22	398		Gây mê phẫu thuật cắt một phần tụy	x	x		
23	399		Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
24	400		Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x		
25	401		Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
26	402		Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
27	406		Gây mê phẫu thuật cắt nang tụy	X	x		
28	416		Gây mê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bàng đoạn ruột	X	x		
29	417		Gây mê phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vết hạch	X	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
30	418		Gây mê phẫu thuật cắt nửa xương hàm trên hoặc dưới	X	x		
31	422		Gây mê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương	x	x		
32	424		Gây mê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau	x	x		
33	434		Gây mê phẫu thuật cắt ruột trong lòng ruột có cắt đại tràng	x	x		
34	439		Gây mê phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x		
35	443		Gây mê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi	x	x		
36	444		Gây mê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	x	x		
37	445		Gây mê phẫu thuật cắt thân và đuôi tụy	x	x		
38	462		Gây mê phẫu thuật cắt thùy gan trái, phải do ung thư	x	X		
39	463		Gây mê phẫu thuật cắt thùy hoặc phần thùy phổi do ung thư	x	X		
40	470		Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x		
41	471		Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	x	x		
42	480		Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản	X	x		
43	487		Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	X	x		
44	489		Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông	X	X		
45	495		Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản	X	X		
46	500		Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	X	X		
47	502		Gây mê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung	x	X		
48	506		Gây mê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	x	X		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
49	514		Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	x			
50	515		Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính	x	X		
51	547		Gây mê phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	x		
52	548		Gây mê phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x		
53	549		Gây mê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn	x	x		
54	572		Gây mê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x		
55	574		Gây mê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
56	601		Gây mê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
57	606		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát	x	x		
58	607		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x		
59	608		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang	x	x		
60	609		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.	x	x		
61	610		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x		
62	611		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	x	x		
63	612		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x		
64	617		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x		
65	619		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm	x	x		
66	620		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư thận	x	x		
67	621		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.	x	x		
68	622		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
69	623		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
70	624		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư túi mật	x	x		
71	626		Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay	x	x		
72	854		Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%	x	x		
73	901		Gây mê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x		
74	907		Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
75	908		Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
76	912		Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
77	913		Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
78	948		Gây mê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x		
79	1115		Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao	x	x		
80	1192		Gây mê phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x		
81	1193		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi	x	x		
82	1194		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi	x	x		
83	1198		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	x	x		
84	1199		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x		
85	1200		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x	x		
86	1202		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp	x	x		
87	1203		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
88	1216		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi	x	x		
89	1232		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu	x	x		
90	1233		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
91	1234		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay	x			
92	1235		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	x	x		
93	1236		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	x	x		
94	1237		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	x	x		
95	1238		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	x	x		
96	1240		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)	x	x		
97	1276		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách	x	x		
98	1352		Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x		
99	1412		Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x	x			
100	1418		Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x	x		
101	1427		Gây mê phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi	x	x		
102	1429		Gây mê phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm	x	x		
103	1438		Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mũ màng phổi	x	x		
104	1445		Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x		
105	1447		Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chòm xương đùi bằng khoan giải áp	x	x		
106	1559		Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)	x	x		
107	1560		Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
108	1561		Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x		
109	1562		Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x		
110	1563		Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x	x		
111	1571		Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
112	1612		Gây mê phẫu thuật vá da tạo hình mi	x	x		
C. HỒI SỨC							
113	1654		Hồi sức nội soi nội vòi tử cung	x	x		
114	1888		Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x		
115	1889		Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cấm niệu quản vào ruột	x	x		
116	1893		Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x	x		
117	1901		Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
118	1906		Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
119	1907		Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông	x	x		
120	1911		Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	x	x		
121	1915		Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng	x	x		
122	1916		Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung	x	x		
123	1917		Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chữa trứng	x	x		
124	1918		Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	x	x		
125	1920		Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung	x	x		
126	1947		Hồi sức phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
127	2010		Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến	x	x		
128	2035		Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x		
129	2042		Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư túi mật	x	x		
130	2044		Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay	x	x		
131	2048		Hồi sức phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
132	2329		Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x		
133	2330		Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
134	2331		Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
135	2690		Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	x	x		
136	2692		Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	x	x		
137	2694		Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách	x	x		
138	2770		Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x		
139	2782		Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy	x	x		
140	2792		Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị ...)	x	x		
141	2851		Hồi sức phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x	x		
142	2901		Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
143	2902		Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x		
144	2904		Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	x	x		
145	2978		Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
146	2979		Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x		
147	2980		Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x		
148	2984		Hồi sức phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	x	x		
149	3004		Hồi sức phẫu thuật nội soi u mạc treo	x	x		
150	3007		Hồi sức phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x		
151	3011		Hồi sức phẫu thuật nội soi xẻ sa lòi lỗ niệu quản	x	x		
152	3013		Hồi sức phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
153	3014		Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng	x	x		
154	3025		Hồi sức phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x	x		
155	3027		Hồi sức phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn	x	x		
156	3030		Hồi sức phẫu thuật vá da tạo hình mi	x	x		
D. GÂY TÊ							
157	3057		Gây tê nội soi nông hẹp thực quản	x	x		
158	3058		Gây tê nội soi nông niệu quản hẹp	x	x		
159	3068		Gây tê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x		
160	3215		Gây tê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	x	x		
161	3216		Gây tê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x		
162	3231		Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau	X	x		
163	3236		Gây tê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột	X	x		
164	3244		Gây tê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau	x	x		
165	3245		Gây tê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo	x	x		
166	3248		Gây tê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	x	x		
167	3254		Gây tê phẫu thuật cắt ruột trong lòng ruột có cắt đại tràng	x	x		
168	3256		Gây tê phẫu thuật cắt thận	x	x		
169	3257		Gây tê phẫu thuật cắt thận bán phần	x	x		
170	3258		Gây tê phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x		
171	3289		Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
172	3290		Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x		
173	3291		Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cấm niệu quản vào ruột	x	x		
174	3293		Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x	x		
175	3320		Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	x	x		
176	3322		Gây tê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung	x	x		
177	3326		Gây tê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	x	x		
178	3329		Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	x	x		
179	3342		Gây tê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	x		
180	3349		Gây tê phẫu thuật cắt u da mi có trọt lông mi, vật da, hay ghép da	x	x		
181	3425		Gây tê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vét hạch bẹn 2 bên	x	x		
182	3428		Gây tê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang	x	x		
183	3429		Gây tê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.	x	x		
184	3430		Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x		
185	3446		Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay	x	x		
186	3636		Gây tê phẫu thuật đóng đỉnh nội tửy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sáng	x	x		
187	3639		Gây tê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo	x	x		
188	3751		Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x		
189	3917		Gây tê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	x	x		
190	3926		Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x		
191	3927		Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	x	x		
192	3928		Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
193	3937		Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	x	x		
194	3938		Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau	x	x		
195	3939		Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	x	x		
196	3940		Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x	x		
197	3952		Gây tê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi	x	x		
198	4015		Gây tê phẫu thuật nối niệu quản - dài thận	x	x		
199	4016		Gây tê phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản	x	x		
200	4025		Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lại niệu quản	x	x		
201	4078		Gây tê phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa	x	x		
202	4145		Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản	x	x		
203	4159		Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung	X	x		
204	4253		Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai	x	x		
205	4254		Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x	x		
206	4255		Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm mủm trên lõi cầu ngoài	x	x		
207	4256		Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh	x	x		
208	4258		Gây tê phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu	x	x		
209	4265		Gây tê phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm	x	x		
210	4322		Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	x	x		
211	4396		Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
212	4397		Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x		
213	4398		Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
214	4399		Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x	x		
215	4400		Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau	x	x		
216	4407		Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x		
217	4429		Gây tê phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x		
218	4437		Gây tê phẫu thuật nối vòi tử cung	x	x		
D. AN THẦN							
219	4461		An thần bệnh nhân nhỏ răng	x	x		
220	4470		An thần nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
221	4488		An thần nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	X	x		
222	4489		An thần phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo	x	x		
223	4490		An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	x	x		
224	4491		An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân HIV- AID	x	x		
225	4556		An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè x		x		
226	4558		An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai x		x		
227	4602		An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x		
228	4699		An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x		
229	4717		An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân	x	x		
230	4718		An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng x	x	x		
231	4719		An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x		
232	4720		An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó	x	x		
233	4721		An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x	x		
X. NGOẠI KHOA							

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC							
1. Thận							
1	298		Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/ Laser	x			
2	299		Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x		
3	320		Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes	x	x		
2. Niệu quản							
4	324		Cắt nối niệu quản	x	x		
5	332		Tạo hình niệu quản bằng đoạn ruột	x			
6	333		Cắm lại niệu quản – bàng quang	x	x		
3. Bàng quang							
7	348		Cắm niệu quản bàng quang	x	x		
4. Niệu đạo							
8	367		Cắt nối niệu đạo trước	x	x		
9	368		Cắt nối niệu đạo sau	x	x		
10	369		Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	x	x		
11	373		Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	x	x		
12	374		Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	x	x		
13	377		Tạo hình niệu đạo bằng vật da tự thân	x			
D. TIÊU HÓA							
2. Dạ dày							
14	457		Cắt toàn bộ dạ dày	x	x		
15	464		Phẫu thuật Newmann	x	x	x	
6. Trực tràng							
16	529		Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp	x			

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
17	530		Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn	x			
7. Tầng sinh môn							
18	552		Phẫu thuật Longo	x	x		
19	553		Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	x	x		
20	559		Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chỉ chờ	x			
Đ. GAN - MẬT - TỤY							
1. Gan							
21	606		Lấy bỏ u gan	x	x		
22	617		Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x		
2. Mật							
23	625		Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	x	x		
24	626		Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da	x	x		
25	627		Mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x			
26	629		Mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x		
27	630		Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x			
28	633		Nối mật ruột tận - bên	x			
29	638		Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x		
E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC							
1. Thành bụng - cơ hoành							
30	691		Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x		
2. Phúc mạc							
31	713		Lấy u sau phúc mạc	x	x		
XI. BỔNG							
A. ĐIỀU TRỊ BỔNG							
2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bóng							

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
1	17		Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
2	20		Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
3	29		Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
4	32		Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
5	35		Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
6	37		Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
7	43		Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
8	44		Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
9	45		Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
10	46		Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
11	62		Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf-krause $\geq$ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x			
12	71		Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bỏng vành tai	x	x		
13	73		Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x		
14	74		Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x		
15	75		Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu	x	x		
B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG							
16	104		Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	x	x		
17	105		Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	x	x		
18	109		Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị sẹo bỏng	x	x		
19	111		Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bỏng	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
20	112		Kỹ thuật tạo vạt da V-Y điều trị sẹo bồng	x	x		
21	113		Sử dụng vạt 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bồng	x	x		
22	115		Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bồng	x	x		
E. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỒNG VÀ SAU BỒNG							
23		154.	Kỹ thuật tạo vạt da nhánh xuyên cuống liên che phủ tổn khuyết	x	x		
G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH							
24		164.	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên có cuống mạch liên điều trị vết thương mạn tính	x	x		
25		165.	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên động mạch mông trên điều trị loét cùng cụt	x	x		
26		166.	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị vết thương mạn tính	x	x		
XII. UNG BƯỚU							
A. ĐẦU-CỔ							
1	4		Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đ-ường kính trên 10 cm	x	x		
2	8		Cắt các loại u vùng mặt có đ-ường kính trên 10 cm	x	x		
3	13		Cắt các u nang mang	x	x		
4	14		Cắt các u ác tuyến mang tai	x	x		
5	15		Cắt các u ác tuyến giáp	x	x		
6	16		Cắt các u ác tuyến dưới hàm	x	x		
B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG							
7	39		Cắt u vùng đuôi ngựa	x	x		
8	40		Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tuỷ	x	x		
9	41		Cắt u đốt sống ngoài màng cứng	x	x		
10	44		Cắt u dây thần kinh ngoại biên	x	x		
C. HÀM - MẶT							
11	46		Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
12	47		Cắt u vùng hàm mặt phức tạp	x	x		
13	48		Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x		
14	49		Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
15	50		Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
16	51		Cắt ung thư hàm trên kèm hố mắt và xương gò má	x	x		
17	52		Cắt ung thư hàm trên, hàm dưới kèm vét hạch, tạo hình bằng vật da, cơ	x	x		
18	53		Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
19	54		Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng ghép da hoặc niêm mạc	x	x		
20	56		Cắt u mạch máu lớn vùng hàm mặt, khi cắt bỏ kèm thắt động mạch cảnh 1 hay 2 bên	x	x		
21	62		Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
22	63		Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
23	64		Cắt nang vùng sàn miệng	x	x		
24	65		Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
25	66		Cắt chậu sàn miệng, tạo hình và vét hạch cổ	x	x		
26	67		Cắt ung th-ư vòm khẩu cái, tạo hình	x	x		
27	69		Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	x	x		
28	72		Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	x	x		
29	73		Cắt nang xương hàm khó	x	x		
30	74		Cắt u nang men răng, ghép xư-ong	x	x		
31	75		Cắt bỏ u x-trong thái d-ương	x	x		
32	76		Cắt bỏ u x-trong thái d-ương - tạo hình vật da cơ	x	x		
33	77		Cắt u môi lạnh tính có tạo hình	x	x		
34	78		Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
35	79		Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính trên 5 cm	x	x		
36	80		Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
37	81		Cắt u dây thần kinh số VIII	x	x		
38	82		Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
39	83		Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x		
40	84		Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	x	x		
41	85		Cắt toàn bộ u lợi 1 hàm	x	x		
42	86		Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
43	87		Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi	x	x		
44	88		Cắt u tuyến nước bọt phụ	x	x		
45	89		Cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
46	90		Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm	x	x		
47	93		Vết hạch cổ bảo tồn	x	x		
Đ. TAI - MŨI - HỌNG							
48	135		Cắt u l-uưỡi lành tính	x	x		
49	136		Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ	x	x		
50	137		Cắt một nửa lưỡi + vết hạch cổ	x	x		
51	138		Cắt bán phần l-uưỡi có tạo hình bằng vạt cân cơ	x	x		
52	152		Cắt u dây thần kinh VIII	x	x		
53	153		Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
54	154		Cắt, nạo vết hạch cổ tiết căn				
55	155		Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vết hạch cổ bảo tồn 1 bên	x	x		
56	156		Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vết hạch cổ bảo tồn 2 bên	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
57	157		Cắt u nhái sàn miệng	x	x		
58	159		Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x		
59	160		Tạo hình cánh mũi do ung th-ư	x	x		
E. LỒNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI							
60	166		Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x		
61	167		Cắt u xương sườn 1 xương	x	x		
62	169		Phẫu thuật bóc kén màng phổi	x	x		
63	170		Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi	x	x		
64	171		Phẫu thuật cắt kén khí phổi	x	x		
65	172		Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x		
66	173		Cắt u xương sườn nhiều xương	x	x		
67	178		Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản	x	x		
68	180		Cắt thủy phổi, phần phổi còn lại	x	x		
69	185		Cắt thủy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm một màng thành ngực	x	x		
70	190		Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
71	191		Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	x	x		
72	192		Cắt u máu hay bạch mạch vùng cổ, vùng trên xương đòn, vùng nách xâm lấn các mạch máu	x	x		
73	194		Phẫu thuật vét hạch nách	x	x		
K. VÚ - PHỤ KHOA							
74	269		Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	x	x		
75	270		Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách	x	x		
76	271		Cắt vú theo phương pháp Patey + Cắt buồng trứng hai bên	x	x		
77	272		Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
78	273		Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư- tuyến vú	x	x		
79	274		Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	x	x		
80	275		Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	x	x		
81	277		Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú	x	x		
82	307		Phẫu thuật tái tạo vú bằng các vật tự thân	x	x		
83	308		Phẫu thuật tái tạo vú bằng các chất liệu độn	x	x		
L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP							
84	312		Cắt rộng thương tổn phần mềm do ung thư + cắt các cơ liên quan	x	x		
85	315		Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó	x			
86	316		Cắt u máu/u bạch mạch lan toả, đường kính bằng và trên 10cm	x	x		
87	318		Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm	x	x		
88	330		Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay	x	x		
89	332		Tháo khớp cổ chân do ung thư	x	x		
90	333		Tháo khớp gối do ung thư	x	x		
91	334		Tháo khớp háng do ung thư	x	x		
92	335		Cắt cụt cẳng chân do ung thư	x	x		
93	336		Cắt cụt đùi do ung thư	x	x		
94	337		Cắt u máu trong xương	x			
95	338		Bơm xi măng vào xương điều trị u xương	x			
O. KỸ THUẬT KHÁC							
96		402.	Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp	x			
97		446.	Tháo khớp xương bả vai do ung thư	x	x		
98		447.	Phẫu thuật cắt xương bả vai và phần mềm	x			
XIV. MẮT							

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
1	79.		Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	x	x		
2	80.		Sinh thiết tổ chức mi	x	x		
3	81.		Sinh thiết tổ chức hốc mắt	x	x		
4	82.		Sinh thiết tổ chức kết mạc	x	x	x	
5	83.		Cắt u da mi không ghép	x	x	x	
6	85.		Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
7	88.		Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x		
8	89.		Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x		
9	95.		Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
10	106.		Đóng lỗ dò đường lệ	x	x	x	
11	109.		Phẫu thuật lác thông thường	x	x		
12	118.		Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
13	119.		Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
14	120.		Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi...) điều trị sụp mi	x	x		
15	122.		Cắt cơ Muller	x	x		
16	123.		Lùi cơ nâng mi	x	x		
17	124.		Vá da tạo hình mi	x	x		
18	125.		Phẫu thuật tạo hình nếp mi	x	x		
19	127.		Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)	x	x		
20	133.		Sửa sẹo xấu vùng quanh mi	x	x		
21	135.		Phẫu thuật Epicanthus	x	x		
22	136.		Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x		
23	137.		Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
24	138.		Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
25	145.		Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên	x	x		
26	146.		Tạo hình móng mắt (khâu móng mắt, chân móng mắt...)	x	x		
27	158.		Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)	x	x		
28	170.		Phẫu thuật lác người lớn	x	x	x	
29	180.		Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x	x	
30	185.		Mức nội nhãn	x	x	x	
31	188.		Phẫu thuật quặm tái phát	x	x		
32	191.		Mỏ quặm bẩm sinh	x	x	x	
33	217.		Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x	x	
34	221.		Soi góc tiền phòng	x	x	x	
Tạo hình							
35	229.		Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x	x	
36	230.		Phẫu thuật phục hồi trẻ mi dưới	x	x		
37	231.		Phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hờ mi (2 mắt)	x	x		
38	232.		Lắp mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hồng hàm mặt	x	x		
39	233.		Phẫu thuật tạo nếp mi	x	x	x	
40	234.		Phẫu thuật điều trị hờ mi	x	x		
41	236.		Phẫu thuật tạo hình mi	x	x	x	
Chẩn đoán hình ảnh							
42	240.		Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)	x	x	x	
43	244.		Chụp đáy mắt không huỳnh quang	x	x		
44	249.		Siêu âm bán phần trước	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
Thăm dò chức năng và xét nghiệm							
45	275.		Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	x	x	x	
XV. TAI-MŨI-HỌNG							
A. TAI - TAI THẦN KINH							
1	42		Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	x	x		
B. MŨI-XOANG							
2	84		Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	x	x		
3	90		Phẫu thuật mở cạnh mũi	x	x		
C. HỌNG-THANH QUẢN							
4	168		Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,...) (gây tê/gây mê)	x	x		
5	169		Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Microdebrider (Hummer)	x	x	x	
6	194		Phẫu thuật cắt u sàn miệng	x	x	x	
7	201		Phẫu thuật Laser điều trị Amygdale hốc mủ	x	x		
8	202		Phẫu thuật Laser cắt u nang lành tính đáy lưỡi, hạ họng, màn hầu, Amygdale	x	x		
9	211		Sinh thiết u họng miệng	x	x	x	
D. ĐẦU CỔ							
10	291		Phẫu thuật rò sống mũi	x	x		
11	292		Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	x	x		
12	296		Phẫu thuật rò xoang lê	x	x		
Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ							
13		358.	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài (ác tính)	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG							
B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)							
1	58		Tập vận động trên bóng	x	x	x	
2	79		Kỹ thuật di động khớp	x	x		
XVIII. ĐIỆN QUANG							
A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN							
1. Siêu âm đầu, cổ							
1	6		Siêu âm hốc mắt	x	x		
2	7		Siêu âm qua thóp	x	x		
7. Siêu âm vú							
3	56		Siêu âm đàn hồi mô vú	x			
8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam							
4	60		Siêu âm Doppler dương vật	x			
9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt							
5	65		Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)	x			
B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)							
1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy							
6	83		Chụp Xquang răng toàn cảnh	x	x		
7	88		Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
8	94		Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x	x	x	
9	126		Chụp Xquang tuyến vú	x	x		
10	129		Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	x	x		
2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị							
11	138		Chụp Xquang tử cung vòi trứng	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
12	144		Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	x	x		
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU							
A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU							
1	23		Định lượng D-Dimer	x	x		
2	27		Phát hiện kháng đông ngoại sinh	x	x		
3	28		Phát hiện kháng đông đường chung	x	x		
4	29		Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI	x	x		
5	30		Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V, VII, X	x	x		
6	33		Định lượng yếu tố XII	x			
7	34		Định lượng yếu tố XIII (Tên khác: Định lượng yếu tố ổn định sợi huyết)	x			
8	35		Định tính yếu tố XIII (Tên khác: Định tính yếu tố ổn định sợi huyết)	x	x		
C. TẾ BÀO HỌC							
9	135		Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	x	x		
10	159		Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán tổ chức học	x	x		
11	167		Làm thủ thuật sinh thiết hạch	x	x		
D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU							
12	235		Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
13	236		Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự	x	x		
14	237		Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
15	301		Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật ống nghiệm khi	x	x		
16	302		Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
17	303		Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
18	305		Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x		
19	306		Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
20	307		Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
21	309		Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x		
D. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC							
22	353		Điện di protein huyết thanh	x	x		
K. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU							
23		570.	Định lượng D-Dimer bằng Kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang	x	x		
M. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU							
24		625.	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
25		626.	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (Kỹ thuật Scangel)	x	x		
XXIII. HÓA SINH							
A. MÁU							
1	12		Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)	x			
2	14		Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin)	x	x		
3	28		Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide)	x	x		
4	30		Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
5	31		Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc	x	x		
6	44		Định lượng CK-MB mass	x	x		
7	54		Định lượng D-Dimer	x			
8	129		Định lượng Pre-albumin	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
9	132		Điện di Protein (máy tự động)	x	x		
10	139		Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	x	x		
11	156		Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	x	x		
12	160		Định lượng Troponin Ths	x	x		
G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)							
13		227.	C-Peptid	x	x		
14		262.	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi,	x	x		
15		263.	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi,	x	x		
XXIV. VI SINH-KÝ SINH TRÙNG							
A. VI KHUẨN							
1. Vi khuẩn chung							
1	4		Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	x	x		
2	5		Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
3	7		Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
4	8		Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	x	x		
5	11		Vi khuẩn kháng định	x	x		
B. VIRUS							
2. Hepatitis virus							
6	136		HBV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
7	137		HBV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
8	139		HBV genotype PCR	x	x		
9	140		HBV genotype Real-time PCR	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
10	141		HBV genotype giải trình tự gene	x	x		
11	142		HBV kháng thuốc Real-time PCR (cho 1 loại thuốc)	x	x		
12	151		HCV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
13	152		HCV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
14	153		HCV genotype Real-time PCR	x	x		
3. HIV							
15	179		HIV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)							
16		355.	Ký sinh trùng Real-time PCR	x	x		
XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO BỆNH HỌC							
1	18		Chọc hút kim nhỏ các tổn thương hóc mắt	x			
2	28		Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm súc	x			
3	29		Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm tử	x	x		
4	35		Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	x	x		
5	37		Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	x	x		
6	60		Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	x	x		
7	74		Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	x	x	x	
8	78		Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	x	x		
9	79		Cell bloc (khô tế bào)	x	x		
XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI							
D. BỤNG – TIÊU HOÁ							
2. Dạ dày							

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
1	152		Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng	x			
2	153		Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng, nối túi mật-hồng tràng	x			
3	154		Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	x			
4. Ruột non							
4	176		Phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non - ruột non	x	x		
6. Đại tràng							
5	192		Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	x	x		
6	193		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	x	x		
7	194		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch	x	x		
8	195		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	x	x		
9	196		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở + nạo vét hạch rộng		x		
10	197		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	x	x		
11	198		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch	x	x		
12	199		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	x	x		
13	200		Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch	x	x		
14	205		Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	x	x		
15	209		Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo	x	x		
16	210		Phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng - đại tràng ngang	x	x		
17	211		Phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng - đại tràng	x	x		
18	212		Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	x			
7. Hậu môn - Trực tràng							
19	216		Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch	x	x		

TT	TT 43	TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4	5			
				A	B	C	D
20	223		Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	x	x		
21	224		Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo+ nạo vét hạch	x	x		
22	228		Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo	x	x		
23	234		Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng	x			
10. Tụy							
24	291		Phẫu thuật nội soi cắt nang tụy	x			
25	295		Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tụy	x	x		
26	297		Phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x			
Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC							
1. Thận							
27	363		Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x		
Tổng số: 666 danh mục kỹ thuật							



MỤC LỤC

TT	Nội dung	Số lượng kỹ thuật	Trang
I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	34	
II	Nội khoa	5	
III	Nhi khoa	0	
IV	Lao (ngoại lao)	34	
V	Da liễu	19	
VI	Tâm thần	0	
VII	Nội tiết	0	
VIII	Y học cổ truyền	22	
IX	Gây mê hồi sức	233	
X	Ngoại khoa	31	
XI	Bỏng	26	
XII	Ung bướu	98	
XIII	Phụ sản	0	
XIV	Mắt	45	
XV	Tai mũi họng	13	
XVI	Răng hàm mặt	0	
XVII	Phục hồi chức năng	2	
XVIII	Điện quang	12	
XIX	Y học hạt nhân	0	
XX	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	0	
XXI	Thăm dò chức năng	0	
XXII	Huyết học - truyền máu	25	
XXIII	Hoá sinh	15	
XXIV	Vi sinh	16	
XXV	Giải phẫu bệnh và Tế bào học	9	
XXVI	Vi phẫu	0	
XXVII	Phẫu thuật nội soi	27	
XXVIII	Tạo hình - Thẩm mỹ	0	
	Tổng cộng	666	